

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Cung cấp lương thực, thực phẩm hàng hoá năm 2024

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số: 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành công ty Cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 2416 /QĐ-CTCP397, ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần 397 về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp lương thực, thực phẩm hàng hoá năm 2024;

Căn cứ tờ trình ngày 26 tháng 12 năm 2023 Về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp lương thực, thực phẩm hàng hoá năm 2024 của tổ chuyên gia;

Căn cứ báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp lương thực, thực phẩm hàng hoá năm 2024 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của tổ thẩm định;

Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia, Tổ Thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp lương thực, thực phẩm hàng hoá năm 2024 với các nội dung chủ yếu sau:

- Nhà trúng thầu: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao Hoa Phong
Khu Đoàn Xá 1, phường Hồng Phong, Tx Đông Triều, Quảng Ninh
- Giá trị trúng thầu 4.069.254.900 đồng
Bằng chữ: Bốn tỷ không trăm sáu mươi chín triệu hai trăm năm mươi tư nghìn chín trăm đồng.
Giá trị trên đã bao gồm thuế GTGT và các loại thuế phí khác.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần 397 và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Giao Tổ Chuyên gia đấu thầu, các phòng liên quan tổ chức đăng tải thông tin và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ trưởng Tổ Chuyên gia, Tổ trưởng Tổ Thẩm định và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP.N03.



GIÁM ĐỐC

Kiều Văn Sinh

**PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CUNG CẤP LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM
HÀNG HOÁ NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 2525/QĐ-CTCP397, ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Công ty cổ phần 397)

TT	Danh mục hàng hoá	ĐVT	Khối lượng	Xuất xứ	Đơn giá	Thành tiền
I	Hàng hóa không chịu thuế					
1	Thịt lợn mỡ	Kg	2.900	Việt Nam	100.000	290.000.000
2	Thịt lợn vai	Kg	3.000	Việt Nam	100.000	300.000.000
3	Thịt lợn ba chỉ sấn cả thăn	Kg	3.200	Việt Nam	110.000	352.000.000
4	Thịt lợn ba chỉ không thăn	Kg	1.000	Việt Nam	120.000	120.000.000
5	Thịt lợn chân giò không xương	Kg	800	Việt Nam	100.000	80.000.000
6	Thịt lợn chân giò (cả xương+ sù)	Kg	500	Việt Nam	80.000	40.000.000
7	Thịt lợn sỏ (cả tai, mũi, không má)	Kg	1.000	Việt Nam	85.000	85.000.000
8	Thịt nạc thăn	Kg	300	Việt Nam	100.000	30.000.000
9	Thịt bò	Kg	100	Việt Nam	280.000	28.000.000
10	Thịt bò ba chỉ	Kg	100	Việt Nam	230.000	23.000.000
11	Thịt trâu	Kg	100	Việt Nam	280.000	28.000.000
12	Thịt trâu ba chỉ	Kg	100	Việt Nam	230.000	23.000.000
13	Thịt ngan làm sạch	Kg	100	Việt Nam	100.000	10.000.000
14	Thịt vịt làm sạch	Kg	100	Việt Nam	70.000	7.000.000
15	Thịt gà ta làm sạch	Kg	600	Việt Nam	90.000	54.000.000
16	Tiết lợn	Kg	900	Việt Nam	20.000	18.000.000
17	Mề gà	Kg	50	Việt Nam	80.000	4.000.000
18	Ốc nhồi	Kg	50	Việt Nam	120.000	6.000.000
19	Ruột ốc bươu	Kg	50	Việt Nam	70.000	3.500.000
20	Xương ống, xương cổ	Kg	1.200	Việt Nam	60.000	72.000.000
21	Xương sườn rãnh	Kg	100	Việt Nam	140.000	14.000.000
22	Xương sườn	Kg	190	Việt Nam	110.000	20.900.000
23	Cá rô phi (0,7- 1.2kg/con)	Kg	1.100	Việt Nam	45.000	49.500.000
24	Cá trắm (2,0 - 3,0 kg/con)	Kg	1.300	Việt Nam	65.000	84.500.000
25	Cá trôi (1,5 - 2kg/con)	Kg	400	Việt Nam	40.000	16.000.000
26	Cá chép	Kg	500	Việt Nam	50.000	25.000.000
27	Cá chim (>1,5kg/con)	Kg	50	Việt Nam	35.000	1.750.000
28	Cá mực ống (0,2-0,4 gam/con)	Kg	50	Việt Nam	260.000	13.000.000
29	Cá mực ống (0,1-0,2 gam/con)	Kg	50	Việt Nam	145.000	7.250.000
30	Cá mực mai (1-2kg/con)	Kg	50	Việt Nam	240.000	12.000.000
31	Cá lục tươi	Kg	400	Việt Nam	55.000	22.000.000
32	Cá cam	Kg	150	Việt Nam	50.000	7.500.000
33	Cá lục hoa	Kg	600	Việt Nam	55.000	33.000.000
34	Cá đối	Kg	600	Việt Nam	50.000	30.000.000
35	Cá mối	Kg	200	Việt Nam	55.000	11.000.000
36	Cá thu	Kg	200	Việt Nam	50.000	10.000.000
37	Cá hồng	Kg	200	Việt Nam	55.000	11.000.000
38	Tôm nót (100 - 120con/kg)	Kg	300	Việt Nam	140.000	42.000.000
39	Tép đồng	Kg	500	Việt Nam	140.000	70.000.000
40	Cải xoong	Kg	900	Việt Nam	9.000	8.100.000
41	Rau mùng tơi	Kg	1.800	Việt Nam	12.000	21.600.000
42	Rau đay	Kg	900	Việt Nam	12.000	10.800.000
43	Rau muống	Kg	2.000	Việt Nam	10.000	20.000.000
44	Rau cải thìa không gốc	Kg	2.000	Việt Nam	12.000	24.000.000
45	Rau bắp cải	Kg	2.000	Việt Nam	15.000	30.000.000
46	Rau cải ngồng không gốc	Kg	2.000	Việt Nam	12.000	24.000.000
47	Rau cải thảo	Kg	2.000	Việt Nam	18.000	36.000.000

48	Cải chíp	Kg	200	Việt Nam	20.000	4.000.000
49	Hành tươi	Kg	500	Việt Nam	15.000	7.500.000
50	Giả đỗ	Kg	900	Việt Nam	14.000	12.600.000
51	Rau thơm, rau sống tổng hợp	Kg	200	Việt Nam	40.000	8.000.000
52	Lá chanh, thì là, rau mùi	Kg	60	Việt Nam	65.000	3.900.000
53	Rau cần tỏi	Kg	50	Việt Nam	45.000	2.250.000
54	Súp lơ	Kg	300	Việt Nam	35.000	10.500.000
55	Rau ngót	Kg	900	Việt Nam	18.000	16.200.000
56	Cải sen	Kg	500	Việt Nam	13.000	6.500.000
57	Cải dưa củ cải	Kg	500	Việt Nam	12.000	6.000.000
58	Măng chua	Kg	150	Việt Nam	25.000	3.750.000
59	Măng tươi	Kg	100	Việt Nam	20.000	2.000.000
60	Rau cần ta	Kg	1.500	Việt Nam	13.000	19.500.000
61	Rau cải cúc	Kg	1.500	Việt Nam	12.000	18.000.000
62	Quả bầu	Kg	1.000	Việt Nam	20.000	20.000.000
63	Quả bí xanh	Kg	1.000	Việt Nam	20.000	20.000.000
64	Quả bí đỏ	Kg	600	Việt Nam	12.000	7.200.000
65	Quả quýt	Kg	50	Việt Nam	10.000	500.000
66	Quả cà chua	Kg	900	Việt Nam	25.000	22.500.000
67	Quả dứa xanh	Kg	100	Việt Nam	20.000	2.000.000
68	Quả me	Kg	200	Việt Nam	20.000	4.000.000
69	Quả chanh	Kg	200	Việt Nam	16.000	3.200.000
70	Quả chuối xanh	Kg	200	Việt Nam	8.000	1.600.000
71	Quả su su	Kg	300	Việt Nam	12.000	3.600.000
72	Quả ớt tươi	Kg	100	Việt Nam	45.000	4.500.000
73	Quả dứa cùi	Kg	100	Việt Nam	50.000	5.000.000
74	Quả đu đủ cô ve	Kg	800	Việt Nam	20.000	16.000.000
75	Dọc mùng	Kg	150	Việt Nam	12.000	1.800.000
76	Quả mướp	Kg	900	Việt Nam	20.000	18.000.000
77	Quả cà bát	Kg	50	Việt Nam	15.000	750.000
78	Quả cà pháo chưa muối	Kg	50	Việt Nam	25.000	1.250.000
79	Củ khoai tây (ruột vàng)	Kg	1.000	Việt Nam	15.000	15.000.000
80	Củ cải	Kg	1.000	Việt Nam	14.000	14.000.000
81	Củ cà rốt	Kg	500	Việt Nam	20.000	10.000.000
82	Củ hành tây	Kg	200	Việt Nam	12.000	2.400.000
83	Củ riềng xay sẵn	Kg	100	Việt Nam	12.000	1.200.000
84	Củ su hào	Kg	400	Việt Nam	18.000	7.200.000
85	Củ su hào	Kg	400	Việt Nam	22.000	8.800.000
86	Củ khoai sọ	Kg	400	Việt Nam	22.000	8.800.000
87	Củ hành khô	Kg	320	Việt Nam	25.000	8.000.000
88	Củ tỏi khô	Kg	200	Việt Nam	30.000	6.000.000
89	Củ gừng	Kg	100	Việt Nam	40.000	4.000.000
90	Con ngao	Kg	1.200	Việt Nam	20.000	24.000.000
91	Con hên	Kg	1.000	Việt Nam	15.000	15.000.000
92	Cua đồng (chưa làm)	Kg	50	Việt Nam	165.000	8.250.000
93	Cua đá biển (Chưa làm)	Kg	1.000	Việt Nam	90.000	90.000.000
94	Ruột hà	Kg	300	Việt Nam	100.000	30.000.000
95	Ruột hầu	Kg	80	Việt Nam	110.000	8.800.000
96	Lạc nhân	Kg	400	Việt Nam	60.000	24.000.000
97	Trứng vịt loại I	Quả	25.000	Việt Nam	3.500	87.500.000
98	Trứng vịt lộn	Quả	500	Việt Nam	4.500	2.250.000
99	Trứng cút	Quả	12.000	Việt Nam	800	9.600.000
100	Muối ăn I ốt	Kg	150	Việt Nam	6.000	900.000
101	Mộc nhĩ	Kg	10	Việt Nam	120.000	1.200.000
102	Hạt tiêu bắc	Kg	5	Việt Nam	250.000	1.250.000
103	Gạo nếp cái hoa vàng	Kg	100	Việt Nam	30.000	3.000.000
	Gạo tẻ QR 1 + Bắc thơm quê	Kg	45.000	Việt Nam	17.000	765.000.000
	Tổng tiền thanh toán (I)					3.628.350.000
II	Mặt hàng chịu thuế 5%					

1	Đường trắng loại 1	Kg	100	Việt Nam	23.000	2.300.000
2	Đường hoa mai	Kg	10	Việt Nam	23.000	230.000
	Cộng tiền hàng					2.530.000
	Thuế GTGT 5%					126.500
	Tổng tiền thanh toán (II)					2.656.500
III	Mặt hàng chịu thuế 8%					
1	Tương ớt (vifon 560g)	Chai	100	Việt Nam	16.000	1.600.000
2	Mắm năm ngư đệ nhị (0,7 lít)	Chai	1.150	Việt Nam	18.000	20.700.000
3	Mắm cát hải (can 2 lít)	Can	90	Việt Nam	42.000	3.780.000
4	Dầu ăn orchid (20l/thùng, 2 can/thùng)	Thùng	150	Việt Nam	900.000	135.000.000
7	Giò lợn nạc	Kg	300	Việt Nam	95.000	28.500.000
8	Chả lợn nạc	Kg	200	Việt Nam	95.000	19.000.000
9	Chả mực Hạ Long loại 1	Kg	60	Việt Nam	300.000	18.000.000
10	Chả mực Hạ Long loại 2	Kg	60	Việt Nam	270.000	16.200.000
11	Chả quế	Kg	60	Việt Nam	95.000	5.700.000
12	Giò xào	Kg	80	Việt Nam	110.000	8.800.000
13	Gói kho tàu	Gói	50	Việt Nam	5.000	250.000
14	Hạt nêm Ajngon	Gói	400	Việt Nam	60.000	24.000.000
15	Mì chính Ajmoto 1kg/gói (12 gói/thùng)	Thùng	60	Việt Nam	780.000	46.800.000
16	Mì tôm Kokomi/ hảo hảo	Gói	800	Việt Nam	3.500	2.800.000
17	Mì tôm Omachi	Thùng	50	Việt Nam	186.000	9.300.000
18	Bột canh 200g/gói (40 gói/thùng)	Thùng	100	Việt Nam	160.000	16.000.000
19	Đậu phụ (10 cái = 1,7kg)	Cái	10.000	Việt Nam	2.500	25.000.000
20	Mắm tôm	lọ	20	Việt Nam	15.000	300.000
21	Dấm	chai	50	Việt Nam	10.000	500.000
22	Trương bản	Chai	200	Việt Nam	20.000	4.000.000
	Cộng tiền hàng					386.230.000
	Thuế GTGT 8%					30.898.400
	Tổng tiền thanh toán (III)					417.128.400
IV	Mặt hàng chịu thuế 10%					
1	Dầu rửa bát Mỹ Hào 1,6l/can (10can/thùng)	Thùng	60	Việt Nam	320.000	19.200.000
	Tổng					19.200.000
	Thuế GTGT 10%					1.920.000
	Tổng tiền thanh toán (IV)					21.120.000
	Tổng cộng hàng hóa đã bao gồm thuế GTGT (I+II+III+IV)					4.069.254.900

Bằng chữ: Bốn tỷ không trăm sáu mươi chín triệu hai trăm năm mươi tư nghìn chín trăm đồng.